



Bài báo nghiên cứu

DIỄN NGÔN VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG SÔNG CÔN MÙA LŨ CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC TỪ ĐIỂM NHÌN ĐỊNH GIỚI

Nguyễn Thị Tịnh Thy

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Tịnh Thy – Email: nguyenthitinhthy@dhsphue.edu.vn

Ngày nhận bài: 03-11-2024; ngày nhận bài sửa: 11-11-2024; ngày duyệt đăng: 29-11-2024

TÓM TẮT

Trong tiểu thuyết Sông Côn mùa lũ của Nguyễn Mộng Giác, người phụ nữ với nhiều thành phần, nhiều lứa tuổi, nhiều tính cách và số phận khác biệt đã được xây dựng nên bằng điểm nhìn định giới. Dựa trên khung lý thuyết về giới, bài báo này phân tích điểm nhìn định giới qua ba nội dung chính sau: điểm nhìn định giới phủ nhận vai trò lịch sử của người phụ nữ, khẳng định người phụ nữ là nạn nhân của lịch sử, vai trò của định giới trong việc xây dựng tính cách nhân vật. Nghiên cứu này sử dụng kết hợp các phương pháp lịch sử, cấu trúc – hệ thống và liên ngành. Thông qua phân tích, bài báo hướng đến nhận diện diễn ngôn về người phụ nữ của Sông Côn mùa lũ, qua đó xác định tư tưởng và nghệ thuật sáng tác của nhà văn.

Từ khóa: diễn ngôn; định giới; lịch sử; Sông Côn mùa lũ; phụ nữ

1. Mở đầu

Sông Côn mùa lũ của Nguyễn Mộng Giác là một bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử đồ sộ ra đời vào năm 1988¹. Tác phẩm kể về cuộc nổi dậy của ba anh em nhà Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ mà nhân vật chính là người anh hùng Nguyễn Huệ. Liên quan đến Nguyễn Huệ, hàng loạt nhân vật lịch sử và nhân vật hư cấu xuất hiện đầy sống động. Trong số ấy, người phụ nữ với nhiều thành phần, nhiều lứa tuổi, nhiều tính cách và số phận đã được xây dựng nên bằng điểm nhìn định giới. Điểm nhìn ấy đã bộc lộ rõ diễn ngôn về người phụ nữ của nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Vận dụng lý thuyết về giới trong cuốn sách *Khái niệm then chốt trong nghiên cứu giới*, bằng phương pháp lịch sử, phương pháp cấu trúc - hệ thống và hướng tiếp cận liên ngành, bài báo này sẽ phân tích điểm nhìn định giới qua ba nội dung: điểm nhìn định giới phủ nhận vai trò lịch sử của người phụ nữ, khẳng định người phụ nữ là nạn nhân của lịch sử và vai trò của định giới trong việc xây dựng tính cách nhân vật. Mục đích của nghiên cứu là để nhận diện diễn ngôn về người phụ nữ của tác

Cite this article as: Nguyen Thi Tinh Thy (2024). Discourse on women in *The Con river in flood season* by Nguyen Mong Giac from a gendered perspective. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(12), 2236-2247.

¹ Bài báo khảo sát trên văn bản *Sông Côn mùa lũ*, Nguyễn Mộng Giác, 3 tập, NXB Văn học, 2007.

giả *Sông Côn mùa lũ*, qua đó xác định tư tưởng sáng tác của nhà văn và đánh giá lại giá trị của tác phẩm.

2. Nội dung

2.1. *Điểm nhìn định giới phủ nhận vai trò lịch sử của người phụ nữ*

Hai tác giả Jane Pilcher và Imelda Whelehan trong *Khái niệm then chốt trong nghiên cứu giới* cho rằng, theo thuyết nhị nguyên, “một cái gì đó bị “định giới” (gendered) khi nó là nam tính hoặc nữ tính, hoặc khi nó thể hiện các mô thức về sự khác biệt theo giới” (Pilcher & Whelehan, 2022, p.131). Tất cả những khác biệt mang tính đối lập đều xuất phát từ sự định giới đầy phân biệt, kì thị giữa đàn ông và đàn bà.

Khi “bị định giới” là phái yếu, phụ nữ đương nhiên không thể và không được làm những việc nặng nhọc và lớn lao, nhất là những việc liên quan đến quốc gia đại sự, đáng để lưu danh sử sách. Đối với xã hội phương Đông, do bị chi phối bởi tư tưởng Nho giáo rất đậm, giá trị của phụ nữ được xác định ở đạo tam tòng tứ đức. Chuẩn mực đạo đức đó bó hẹp người phụ nữ dưới mái nhà và trong gia đình của mình. Tuy vậy, dân gian và lịch sử hầu như không hề phủ nhận vai trò của những người đàn bà theo nghiệp võ, đánh đuổi ngoại xâm như bà Trưng, bà Triệu, nữ tướng Lê Chân... Ngược lại, trong tiểu thuyết *Sông Côn mùa lũ*, những người phụ nữ tham gia vào phong trào Tây Sơn và lập nên nhiều chiến công như nữ tướng Bùi Thị Xuân và nhóm Tây Sơn ngũ phụng thư của bà (bao gồm các nữ tướng Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Huỳnh Thị Cúc, Nguyễn Thị Dung) lại không được đề cập. Điều đó chứng tỏ nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã dùng cái nhìn định giới để phủ nhận vai trò của nữ giới đối với lịch sử.

Trong *Sông Côn mùa lũ*, hầu như tất cả các nhân vật lịch sử đều được nhà văn Nguyễn Mộng Giác đưa vào tác phẩm, chỉ thiếu Bùi Thị Xuân và nhóm Ngũ phụng thư.

Khác với Nguyễn Mộng Giác, các nhà văn và sử gia khác đều nhấn mạnh vai trò của các nữ tướng. Trong nhiều sách lịch sử và truyện kí lịch sử như *Việt Sử tân biên* của Phạm Văn Sơn, *Nhà Tây Sơn* của Quách Tấn – Quách Giao, *Hồ Thơm Nguyễn Huệ Quang Trung* của Nguyễn Ngu Í, *Tây Sơn bi hùng truyện* của Lê Đình Danh..., các tác giả đã viết về nữ tướng Bùi Thị Xuân như một hiện tượng kiệt xuất trong lịch sử với võ nghiệp vô song. Với trước tác *Nhà Tây Sơn*, Quách Tấn sưu tầm tư liệu từ năm 1930 đến 1945. Suốt 15 năm, ông đã sưu tập, “ghi lại, tiếp xúc và đi đến cả một số nơi xảy ra các sự kiện lịch sử ấy để quan sát, để thông cảm với cổ nhân” (Quach & Quach, 2024, p.4). Từ những tư liệu đó, năm 1983, con trai của Quách Tấn là Quách Giao đã viết nên những trang hào hùng của triều đại ngắn ngủi này. Trong đó, nữ tướng Bùi Thị Xuân được kể lại rất chi tiết từ xuất thân, võ nghiệp cho đến chuyện đời tư. Đọc cuốn sách này, có thể biết rằng bà là một trong vài người hợp tác cùng anh em Nguyễn Nhạc sớm nhất. Bà từng giữ các trọng trách về kinh tế, tài chính, quân sự, và “được phong làm Đại tướng quân, tự hiệu là Tây Sơn nữ tướng, quản đốc mọi việc quân dân trong Hoàng Thành và tuần sát vùng Tây Sơn” (Quach & Quach, 2024, p.43). Bốn nữ phó tướng trẻ đẹp tài cao của Bùi Thị Xuân là Bùi Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Nguyễn

Thị Dung, Huỳnh Thị Cúc cũng được tác giả của *Nhà Tây Sơn* coi trọng. “Ngũ Phụng đã cùng nhau tổ chức, huấn luyện và điều khiển một đoàn tượng binh gồm một trăm thớt voi và một đoàn nữ binh trên hai ngàn người cho nhà Tây Sơn” (Quach & Quach, 2024, p.34). Cuộc sống của mỗi người sau khi giã từ binh nghiệp cũng được Quác Tấn – Quách Giao kể rõ.

Hồ Thơm Nguyễn Huệ Quang Trung 1752-1792 hay giấc mộng lớn chưa thành của Nguyễn Ngu Í (Nhà xuất bản Về nguồn, 1967) kể lại cảnh Bùi Thị Xuân bị vua Gia Long Nguyễn Ánh hành hình thảm khốc. Các trước tác sau này, về cả sử liệu hay hư cấu, đều có rất nhiều tác phẩm viết về nữ tướng Bùi Thị Xuân: *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1992; *Việt Nam thời Tây Sơn - lịch sử nội chiến* của Tạ Chí Đại Trường, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2006; *Đô đốc Bùi Thị Xuân* của Quỳnh Cư, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2006; *Nữ tướng Bùi Thị Xuân* của Vũ Thị Ngọc Khuê, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, 2012; *Những liệt nữ trong lịch sử Việt Nam* của Nhóm trí thức, Nhà xuất bản Lao động, 2013... Như thế, bất kể thời kì nào, khi nhắc đến nhà Tây Sơn, Bùi Thị Xuân là một nhân vật lịch sử không thể bỏ qua. Cuộc đời lẫn sự nghiệp của bà cũng không gây ra những suy nghĩ trái chiều hoặc tranh luận gì. Về khách quan, không có lí do gì để hậu thế gạt Bùi Thị Xuân ra khỏi chiến công của nhà Tây Sơn cả; chỉ trừ khi người viết có định kiến, định giới.

Trở lại với *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác, tác phẩm dày ba tập, hai ngàn trang, dù ít ỏi nhưng nhân vật nữ lịch sử như Thọ Hương (con gái Nguyễn Nhạc), công chúa Ngọc Hân (con của vua Lê)... đều có mặt. Vậy mà, không có nữ tướng Bùi Thị Xuân. Bùi Thị Xuân xuất hiện vắn vắn có hai lần, không phải xuất hiện trực tiếp mà chỉ được nhắc đến gián tiếp qua lời của người kể chuyện và nhân vật Nguyễn Nhạc. Lần thứ nhất, ở chương 32, để giới thiệu nhân vật Lợi (nhân vật nam phụ khá quan trọng), nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã đưa Bùi Thị Xuân ra như một kí hiệu có nhiệm vụ giải thích cội nguồn và mối quan hệ của Lợi: “Ngô Văn Sở ở trong nhà Bùi Thị Xuân từ nhỏ, nên không lạ gì Lợi. Trong gia đình họ Bùi, cha Bùi Thị Xuân thuộc dòng chính, còn mẹ Lợi thuộc dòng thứ” (Nguyễn, 2007, vol.1, p.653). Trong đoạn văn này, tác giả có chú ý đến Bùi Thị Xuân như là một mắt xích quan trọng, tuy nhiên, ông sử dụng tên của bà để định danh chuỗi mắt xích lớn, đó là gia đình của bà. Như thế, Bùi Thị Xuân cũng là một điểm trong bộ nhớ của Nguyễn Mộng Giác, nhưng ông sử dụng tên của bà như một kí hiệu gia phả mà thôi.

Lần thứ hai, ở chương 45, Bùi Thị Xuân lại được nhắc đến, cũng là gián tiếp qua lời bình phẩm của Nguyễn Nhạc. Trao đổi với Nguyễn Huệ về gia đình Bùi Đắc Tuyên, Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc cho rằng:

“– Anh trải đời nhiều, hiểu đàn bà cũng lắm. Nhờ thế, anh nhận thấy cái cần thiết cho một người đàn bà là đức hạnh. Đàn bà giỏi thứ gì cũng không nên cả, quá giỏi võ như cô Bùi Thị Xuân thì lại “cầm roi rượt chồng”, quá giỏi chữ nghĩa như... như con gái ông giáo thì... thì...” (Nguyễn, 2007, vol.2, p.174).

Từ phát ngôn trên, có thể thấy Nguyễn Nhạc không thừa nhận tài võ của Bùi Thị Xuân. Trong giọng điệu của ông còn mang thái độ giễu cợt tài năng ấy. Đồng thời, Nguyễn Nhạc đã “định giới” cho giá trị của người phụ nữ. Theo ông, cái cần thiết của một người đàn bà là đức hạnh, quá giỏi võ hay quá giỏi chữ nghĩa đều không cần thiết. Diễn ngôn về phụ nữ còn được trình bày chi tiết hơn trong tình huống Nguyễn Nhạc khuyên Nguyễn Huệ không nên quá vương vấn tình cảm và tiếc nuối mối tình đầu với An: “Họ thấp lè tè, cũng sinh con đẻ cái, ham bạc ham tiền, cầu nhàu xốc xếch khi nghèo túng, vênh vang kênh kiệu lúc giàu sang. Ôi thôi, chuyện đàn bà không nói sao cho hết!” (Nguyễn, 2007, vol.2, p.175). Nói như vậy, Nguyễn Nhạc cũng phủ nhận luôn đức hạnh – điều cần thiết nhất đối với phụ nữ. Khi cho rằng họ đều tầm thường, nhỏ mọn, ý kiến này của ông chẳng khác gì đánh đồng phụ nữ với tiểu nhân như Khổng Tử ngày xưa. Từ tất cả những suy nghĩ, âm mưu, hành động, ngôn ngữ của Nguyễn Nhạc, có thể thấy ông có “chứng ghét nữ” (Misogyny). Trong ông luôn “có định một hình dung thấp kém về phụ nữ, đồng thời liên tục góp phần duy trì và thực thi các thực hành phân biệt giới” (Dang, 2024).

Có rất nhiều nguyên nhân giúp chúng ta lí giải những gì nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã viết và không viết về nữ tướng Bùi Thị Xuân. Có thể do thiếu tư liệu, hoặc tư liệu không rõ ràng; có thể do vai trò của Bùi Thị Xuân không đáng kể; có thể do nhà văn không coi trọng đóng góp của bà đối với phong trào Tây Sơn hoặc có cái nhìn định giới khi viết *Sông Côn mùa lũ*. Trong ba lí do trên, việc thiếu tư liệu là không thuyết phục, mặc dù, *Đại Nam chính biên liệt truyện* phần Ngụy Tây không đề cập Bùi Thị Xuân; hoặc *Việt sử tân biên* chỉ ghi chép hoạt động của Bùi Thị Xuân từ sau khi Nguyễn Huệ qua đời, mà tác phẩm *Sông Côn mùa lũ* thì kết thúc cùng với sinh mệnh của Nguyễn Huệ. Tuy nhiên, cùng thời với Nguyễn Mộng Giác, nhà văn Quách Tấn đã có những sưu tập tư liệu về chính sử, dã sử, chuyện kể dân gian để sau này, cùng với Quách Giao viết rất rõ ràng và sống động về nhân vật Bùi Thị Xuân trong tác phẩm *Nhà Tây Sơn*. Về lí do thứ hai, vai trò của Bùi Thị Xuân không đáng kể cũng không đúng. Bởi vì, công trạng và tài năng của bà thế nào, sử sách, truyền thuyết, giai thoại đều viết rất rõ. Bà là một danh tướng, danh nhân. Dưới chế độ nào, tên tuổi của bà cũng được nhắc đến một cách kính trọng; được đặt tên đường, tên trường học. Nghĩa là, về mặt sử học lẫn folklore học, tư liệu cho thấy Bùi Thị Xuân xứng đáng được tôn vinh, thừa nhận trong bất cứ công trình nào - phi hư cấu hay hư cấu - về nhà Tây Sơn. Như thế, chỉ còn lí do thứ ba, Nguyễn Mộng Giác phủ nhận vai trò lịch sử của Bùi Thị Xuân và có cái nhìn định giới đối với phái nữ, mà Bùi Thị Xuân là một trường hợp điển hình.

Sông Côn mùa lũ là câu chuyện lịch sử, cụ thể là phong trào Tây Sơn. Ngoài các nhân vật lịch sử có sẵn, để phục vụ cho dụng ý nghệ thuật của mình, nhà văn đã xây dựng thêm nhiều nhân vật hư cấu có tên và không tên (An, Chinh, Kiên, Lợi, vợ chồng Hai Nhiều, vợ lính, vợ cai đội...). Lại nữa, nhân vật nam chiếm số đông, đặc biệt là nhân vật lịch sử; trong khi nhân vật nữ lịch sử thì rất ít (vốn dĩ do lịch sử ghi lại rất ít; và thực chất, phụ nữ cũng hiếm người tham dự vào sự kiện lịch sử); nếu có một nữ nhân lịch sử bằng xương bằng thịt,

nhà văn nên/cần/phải đưa vào tác phẩm. Vậy thì, tại sao tác giả lại bỏ qua bà Bùi Thị Xuân một cách dễ dàng như thế? Lí giải điều này, nếu không vì sơ suất, chỉ có thể là do quan niệm phụ nữ không thể gánh vác nhiệm vụ lịch sử mà thôi.

Từ trường hợp của nữ tướng Bùi Thị Xuân bị tác giả bỏ quên và bị nhân vật Nguyễn Nhạc nhận xét đầy giấu cột, có thể thấy quan điểm định giới của nhà văn Nguyễn Mộng Giác về mối quan hệ giữa người phụ nữ và lịch sử: phụ nữ không thể là chủ nhân, họ chỉ có thể là nạn nhân lịch sử.

2.2. Bị định giới – Phụ nữ là nạn nhân của lịch sử

Từ bản chất của giới, những người phụ nữ trong *Sông Côn mùa lũ* đều tuân thủ theo tam tòng tứ đức, cho nên vô hình trung, họ trở thành nạn nhân của lịch sử. Không ai trong số họ có thể tự định đoạt hôn nhân của mình. Hôn nhân của họ, từ công chúa đến thứ dân, đều là nước cờ chính trị của kẻ cầm quyền.

Người xứng đáng được kết hôn với Nguyễn Huệ nhất là An – con gái của ông giáo Hiến. An hiền lành, trí tuệ, nhu thuận, đảm đang. Giữa cô và Huệ có nhiều điểm tương đồng, tâm đầu ý hợp. Có thể nói, An là tri kỉ, là thanh mai trúc mã của Huệ. Dẫu chỉ là “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”, nhưng tình cảm hai người dành cho nhau thật sâu sắc. Khi nhớ thương, khi hờn giận, oán trách, nhưng người mà An thiết tha muốn nghĩ đến, muốn gặp mặt, muốn trao thân gửi phận mãi mãi là Huệ. Từ khi gọi Huệ là “anh”, “anh ấy” cho đến, “người ta, “ông ấy”; từ khi cùng ở dưới một mái nhà cho đến khi kẻ trên bề rồng, người dưới bậc cửa, người mà An yêu thương nhất vẫn là Huệ. Mọi người đều biết điều đó, và dĩ nhiên, Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc cũng biết. Bằng quyền uy của mình, ông có thể đứng ra tác thành cho tình yêu của họ. Nhưng không, làm sao Nguyễn Nhạc “có thể cho phép Huệ làm hại thanh danh của mình vì cuộc hôn nhân với con gái một lão đồ già, một kẻ khả nghi đang bị quân thúc nghiêm ngặt và kín đáo” (Nguyễn, 2007, vol.1, p.678). Vì quyền lợi chính trị, ông đã dùng quyền uy để ép An phải lấy Lợi, nhằm tạo thuận lợi cho việc ép Huệ phải cưới em gái của quan Hình bộ Bùi Văn Nhật và quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên. Nguyễn Nhạc nói rõ mưu toan này với Huệ: “Chuyện gia đình của chú là việc nước, không phải chỉ là việc nhà. Chú phải chọn một người vợ vừa nét na, vừa thuộc vào một gia đình có nhiều người tài ba đang giúp đỡ anh em ta. Nghĩa là sau khi chú lấy vợ, vương triều của ta vững vàng thêm, sức mạnh của ta gia tăng lên” (Nguyễn, 2007, vol.2, p.175-176). Dù không muốn, Nguyễn Huệ cũng đành phải chấp nhận cuộc hôn môn đẳng hộ đối này, vì sau đó, liên minh giữa anh em nhà Tây Sơn với gia tộc Bùi càng bền chặt. Tuy nhiên, tác giả không hề nhắc đến cô dâu, không miêu tả thái độ, cảm xúc của nàng. Cuộc hôn nhân này, chỉ diễn ra trong sự bàn luận của đàn ông, phụ nữ – cô dâu – ngoài xuất thân, thân thế ra, không hề có gương mặt, có tính cách, có đời sống nội tâm. Người ta không quan tâm đến con người cô mà chỉ quan tâm đến chức năng của cô.

Dẫu sao, Nguyễn Huệ là một trang nam tử, sự nghiệp vẻ vang, cô dâu họ Bùi cũng nhờ thế mà được trở thành bậc mẫu nghi thiên hạ. Ngược lại, quận chúa Thọ Hương – con gái

của Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc – lại chịu cảnh hẩm hiu đến suốt đời, dù được gả cho Đông cung thái tử Hoàng tôn Dương.

Dưới mắt Thọ Hương, Đông cung “sao sao ấy”; dưới mắt ông giáo Hiến, Đông cung là “một người tầm thường”; với An, chàng ta “yếu ớt bạc nhược”, phong thái “giống như đàn bà đi chợ”. Khi chưa gặp Đông cung, mọi người háo hức trông chờ được nhìn thấy một “huyền thoại hoàng tôn” “trưởng thành trong đau khổ”, “rắn rỏi mạnh mẽ nhờ dày dạn trường đời”, “nói, cười, đi đứng, suy nghĩ y như cái hình mẫu đáng minh quân trong sách nho, đầy đủ các đức độ tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Nhưng tất cả bị sụp đổ thần tượng. Đông cung tầm thường đến thảm hại. Mới bị Nguyễn Nhạc dọa vài câu, “Đông cung xanh xám nét mặt,... Khuôn mặt bạc nhược thất thần như mặt tử thi” (Nguyen, 2007, vol.1, p.585,587,589). Nguyễn Nhạc xem thường Đông cung Dương, ông từng gọi anh ta là “chị Dương”, là “cái thằng... không có... cu” nhưng vì quyền lợi chính trị, bằng bất cứ giá nào, ông cũng phải “rước” cho được Đông cung về Quy Nhơn, kéo anh ta về phía mình. Và, ông đã hi sinh hạnh phúc của Thọ Hương khi bắt ép nàng phải lấy anh ta.

Thọ Hương trở thành người vợ hờ của Đông cung, vì anh ta chẳng ngó ngàng gì đến cô. Nét mặt chú rẻ trong đám cưới buồn hiu, gần như sợ hãi. Ngay từ đêm tân hôn, chú rẻ đã ngủ riêng. Đông cung nhất quyết không chịu chung chăn gối với Thọ Hương, có thể do anh ta không có bản năng đàn ông, đúng như lời trêu chọc, đồn đãi của mọi người là “cái thằng không có cu” (Nguyen, 2007, vol.1, p.580); hoặc đó là phản ứng của anh ta trước cuộc cưỡng hôn do nhu cầu chính trị. Những lí do đó đủ để chôn vùi cuộc đời một người con gái hiền lành, tử tế như Thọ Hương. Một thời gian ngắn sau, chiến lược hôn nhân không mang lại hiệu quả, Đông cung hết bị quản thúc ở An Thái, lại bị đưa đi Hà Liêu, rồi Bồng Giang; cuối cùng bỏ trốn, tự lập làm Tân Chính Vương và bị giết. Thọ Hương trở thành một góa phụ héo hon vì nỗi buồn đau thân phận hơn là vì bị chết chồng. Lòng đã băng giá từ lâu, khi biết tin Đông cung bỏ trốn và bị bắt, Thọ Hương rơm rớm nước mắt nói với An:

“... Em không vui, nhưng cũng không buồn. Em quen rồi. Từ lâu em cứ đinh ninh mình đang ở góa, nên nghe tin, em buồn một lúc rồi thôi” (Nguyen, 2007, vol.2, p.46). Lời của người trong cuộc, nghe sao thật chua chát và đáng thương.

Từ khi chính thức góa chồng, Thọ Hương sống lạnh lẽo hơn, buồn hơn. Những tưởng cuộc đời cô sẽ sang trang mới tươi sáng hơn khi Lãng – thư kí riêng của Nguyễn Huệ – có tình ý với cô, nhưng rồi quan điểm Nho giáo và danh dự của hoàng tộc không cho phép họ đến với nhau. “Quận chúa bị quả mắng nghiêm khắc vì cuộc phiêu lưu tình cảm ấy”. Ngay cả người tiến bộ như Nguyễn Huệ vẫn không ủng hộ cho mối tình này. Ông tâm sự với Lãng: “Chúa thượng lần anh đều nhận thấy số phận Thọ Hương thật đáng thương tâm. [...] Đẩy nó làm một người vợ hờ, rồi biến nó thành bà góa... Thọ Hương có lắm lỗi tày trời đi nữa, cũng phải bỏ qua. Nhưng dĩ nhiên là không thể để cho sự việc đi quá trớn” (Nguyen, 2007, vol.2, p.240). Quan điểm của Nguyễn Huệ rất rõ ràng, và Lãng hiểu rằng mình không thể “đi quá trớn”. Vậy là quận chúa Thọ Hương phải chịu cảnh dở dang, hẩm hiu đến suốt đời.

Cũng như bao vị công chúa trong lịch sử từng bị đem ra gả bán như một cách đổi lấy đất đai, thế lực và hòa bình, công chúa Ngọc Hân cũng vậy. Vua Lê muốn ràng buộc tình thân với Nguyễn Huệ, để cho nhà Tây Sơn và nhà Lê đời đời làm thông gia với nhau, nhà vua già nua và triều đình yếu ớt của mình có nơi nương tựa. Nghe tin nhà vua muốn gả công chúa cho mình, Nguyễn Huệ đùa cợt: “– Xưa nay những kẻ xa nhà, tình chăn gối rất cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chuyện ấy à? Ừ, em vua nước Tây làm rể Hoàng đế nước Nam, môn đăng hộ đối như thế, tưởng không mấy ai được”. Khi mọi người trong phòng cười ồ, Nguyễn Huệ lại nói: “– Ta đùa đấy thôi. Hoàng thượng nghĩ vậy thật là “Lão mưu đa kế”. Hoàng thượng muốn cho hai nước hiếu hòa với nhau”. Vì nổi trội hơn về nhan sắc, công chúa thứ chín là Ngọc Hân được chọn. Nguyễn Huệ đồng tình nhưng lại trả lời bằng giọng bông đùa: “...Ta mới chỉ quen gái Nam hà, chưa biết con gái Bắc Hà. Nay cũng nên thử xem một chuyến xem có tốt không?”. Sau đó, Nguyễn Huệ tâm sự với thư kí của mình: “Ta nói gái Nam, gái Bắc chỉ để đùa cợt cho vui. Thực ra, nếu không làm thế, thì lấy cái danh gì... Trịnh đã bị diệt, triều đình như cái nhà thiếu cột. Bây giờ ta là rể trong nhà, rể lo chuyện giúp cho ông nhạc là hợp lí, hợp tình” (Nguyen, 2007, vol.2, p.607,608,609).

Phân tích đoạn đối thoại trên, sẽ thấy dù với giọng bông đùa hay nghiêm túc, những người đàn ông đang bàn đến cuộc hôn nhân này, mà nhất là Nguyễn Huệ, đều không xem trọng công chúa Ngọc Hân. Những người đàn ông chơi ván cờ lịch sử này chẳng ai quan tâm đến tâm trạng, cảm xúc của quân cờ người. Ngọc Hân mang theo những âu lo, hoang mang, buồn bã đi lấy chồng. Dẫu rằng, Nguyễn Huệ có hứa với công chúa: “Ta sẽ không cho phép bất cứ ai, dù là quỷ thần, được làm cho Công chúa khổ. Công chúa hãy yên tâm”; nhưng chính ngay sau câu nói này, tác giả đã viết tiếp một câu khác: “Nguyễn Huệ nói thế nhưng chính ông cũng không yên tâm!” (Nguyen, 2007, vol.2, p.621).

Đúng vậy, Nguyễn Huệ yên tâm sao được khi trước mắt ông, cô dâu mới “rõ ràng hiển hiện hình ảnh một đứa trẻ lạc loài”. “Ông cảm thấy bất nhẫn. Yếu đuối. Hổ thẹn nữa”. Nguyễn Huệ gục đầu vào gối công chúa như một cử chỉ sám hối. Ông sám hối vì đang “phạm cái tội tày trời là phá phách sự toàn mỹ của trời đất”, nhưng tự trong sâu thẳm, ông sám hối vì “sẽ còn đảo lộn trật tự của một đất nước” – đất nước mà cha của nàng đang làm vua.

Giữa cuộc tranh đoạt khốc liệt của ba phe bảy phái, công chúa Ngọc Hân bé nhỏ, hiền lành vừa hãnh diện vừa sợ hãi khi được gả cho Bắc Bình vương Nguyễn Huệ. “Ngọc Hân không hiểu mình đang cảm thấy điều gì, vui hay buồn, không biết cả điều đang nghĩ” (Nguyen, 2007, vol.2, p.614). Nàng hoang mang bối rối, nàng tự ti mặc cảm, nàng lo lắng khi đối diện với phu quân và cả chính thất hoàng hậu của ông. Trong toàn bộ tác phẩm, công chúa Ngọc Hân có một trí thông minh đặc biệt, óc mẫn cảm, và tài thi phú nhưng lại luôn nhỏ nhoi, yếu đuối đến tội nghiệp trong hôn nhân. Sự bạo dạn đầu tiên của nàng, là hỏi về người vợ Quý Nhon của Nguyễn Huệ. Nàng muốn biết “phu nhân sẽ nghĩ gì, làm gì khi nhận được tin không vui ở Thăng Long”. Đó là chi tiết giàu nữ tính nhất của nàng, hơn cả khi nàng chờ đón đứa con đầu lòng ra đời hay ngồi khâu hoàng bào cho Nguyễn Huệ đăng quang.

Con vua Lê và trở thành vợ vua Nguyễn, địa vị của Ngọc Hân công chúa rất cao, nhưng trong gia đình mới, thân phận của nàng vẫn thấp. Nàng ý thức được tình thế hôn nhân của mình, nàng như một quân cờ trên bàn cờ lịch sử. Nàng quan tâm đến cảm xúc và thái độ của phu nhân, vừa là sự e sợ cho riêng mình, vừa là sự cảm thông với người đàn bà bị chia sẻ tình cảm, lâm vào cảnh có mới nới cũ.

Thọ Hương và Ngọc Hân đều là lá ngọc cành vàng, nhưng khi cuộc tranh đoạt quyền lực nổ ra, họ bị biến thành công cụ thực hiện mưu lược chiến tranh của đàn ông. Nếu cần hi sinh, phụ nữ là đối tượng được nhìn thấy, nghĩ đến trước tiên. Khi bị biến thành nạn nhân của lịch sử, dù là con vua, vợ vua, thì cũng bạc phận mà thôi. Đồng thời, từ bi kịch của những người phụ nữ, ta thấy rõ bi kịch tinh thần của những người đàn ông gắn bó với họ khi tất cả cùng trở thành nạn nhân của chế độ gia trưởng.

2.3. Định giới trong mối quan hệ với chế độ gia trưởng và thi pháp nhân vật

Khảo sát nhân vật trong *Sông Côn mùa lũ*, có thể thấy đa số những nhân vật có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc bị định giới đều có đời sống nội tâm phức tạp, nghĩa là việc bị định giới đã khiến nhân vật tròn đầy hơn, xét về mặt thi pháp nhân vật. Nếu không bị chia tách nhau, Nguyễn Huệ sẽ không biết nỗi đau của kẻ bị phụ tình; An không mang nỗi dằn vặt, ám ức vì ở gần bên “người ta” mà suốt đời phải chịu xa cách nghìn trùng. Nếu Thọ Hương không bị ép duyên và trở thành góa phụ, Lãng sẽ không có sự biến chuyển tình cảm với cô từ nỗi thương cảm đến thương thầm trộm nhớ. Công chúa Ngọc Hân cũng bộc lộ nội tâm rõ nhất lúc chuẩn bị lấy chồng. Đặc biệt, hai nhân vật nam có nhiều suy tư nhất là Nguyễn Huệ và Lãng thì những suy tư ấy đều liên quan đến quyết định mang tính định giới của Nguyễn Nhạc. Nếu các nhân vật nữ trực tiếp bị định giới thì Nguyễn Huệ và Lãng cũng là nạn nhân chịu liên đới. Họ bị áp đặt, áp bức tinh thần bởi chế độ gia trưởng. Khi kết hợp với điểm nhìn định giới, chế độ gia trưởng sẽ gây ra những đổ vỡ, mất mát, tổn thương cho các nhân vật, từ người có quyền thế đến kẻ thứ dân. Là nạn nhân của định giới, không chỉ các nhân vật nữ mà vì liên quan đến họ, các nhân vật nam cũng chịu chung nỗi đau khổ vì tình.

Chế độ gia trưởng là khái niệm nền tảng quan trọng trong các nghiên cứu về giới. Mặc dù, vấn đề này từ lâu đã trở nên quan trọng trong các phân tích nữ quyền luận, nhưng ở phương Đông, hễ nói đến gia trưởng, người ta thường hạn chế trong các mối quan hệ giới, “như thể chỉ xảy ra giữa phụ nữ và nam giới” (Pilcher & Whelehan, 2022, p.60,61,62). Trên thực tế, lý thuyết về chế độ gia trưởng còn “phân tích các nam tính trong mối quan hệ với nhau cũng như với các nữ tính trong trật tự giới”. Bởi vì, chế độ gia trưởng gây ra tổn thương cho cả nam giới lẫn phụ nữ, nó củng cố sự không khoan dung trong tôn giáo, và phân biệt chủng tộc, ngăn chặn tình yêu giữa những người ngang hàng, ngăn cản dân chủ đích thực” (Pilcher & Whelehan, 2022, p.64).

Trong *Sông Côn mùa lũ*, Nguyễn Nhạc vừa là anh cả, vừa là Tây Sơn vương. Quan hệ giữa ông với Nguyễn Huệ vừa có tính chất gia đình: anh – em, vừa có tính chất xã hội: vua – tôi. Vậy là dù sau này, Nguyễn Huệ tài nghiêng thiên hạ, tiêu diệt họ Nguyễn ở Gia Định,

phá tan mấy vạn quân Xiêm, hạ thành Phú Xuân nội trong một đêm, và lấy Bắc Hà trong vòng mười ngày, nhưng khi còn ở Tây Sơn thượng, anh cũng không thể tự quyết định hôn nhân của mình. Nguyễn Nhạc chia rẽ mối tình của Huệ và An. Từ đó, An như người bị mất phương hướng, một mặt, cô cam phận thuyền theo lái gái theo chồng khi sống với Lợi; mặt khác, tự sâu thẳm trong tâm hồn An, nỗi nhớ về những ngày tháng bên Huệ hầu như không hề phai mờ. An hết lòng vì chồng con, nhưng cô với Lợi chẳng khác nào “bông hoa lài cấm bãi cút trâu”. Vì thế, cô luôn khao khát được biết tin về Huệ. Từ sau khi lấy chồng, An chỉ có thể nghe ngóng, hỏi han “anh ấy”, “ông ấy”, “người ta” qua Lãng – em trai thân thiết của mình, cũng là thư kí của Huệ. Có khi cô tiếc nuối nhớ thương, có khi hờn giận bởi vì giữa hai người vừa có tình yêu sâu nặng, vừa có ân oán khó lòng hoá giải, nhưng trọn đời mình, An luôn nuôi dưỡng và đánh thức kỉ niệm xao xuyến ngọt ngào của những ngày bên Huệ. Dù cho Huệ, với tư cách là vua của đất Phú Xuân đã ra lệnh tử hình chồng của An vì tội phản bội và An phải ra đi, từ biệt mảnh đất có “ông ấy” trị vì, thì đến lúc Nguyễn Huệ băng hà, cô vẫn lặng lẽ trở về tiễn đưa một phần còn lại của tâm hồn mình vào cõi hư vô. “Quanh chị người ta thờ dài, người ta thì thảo. Chị không nghe gì cả. Chị sống và chết riêng lẻ trong thế giới của chị!” (Nguyễn, 2007, vol.3, p.535). Thế giới ấy từ nay không còn một người để mà nhớ nhung, trách cứ, hờn dỗi, hi vọng và tuyệt vọng. An trở về, tiếp nối những tháng ngày cô độc cho cuộc đời vốn không hạnh phúc của mình.

Không chỉ An bất hạnh, Nguyễn Huệ dù có trong tay cả thiên hạ, nhưng không thể có tri âm tri kỷ bên mình. Quả là, “phía khác của anh hùng rất nhiều khi là bi kịch” (Tran, 2012). Từ sự áp đặt gia trưởng, hôn nhân của Huệ không chỉ là việc riêng, mà can hệ đến vận nước. Huệ mất đi hạnh phúc lứa đôi, cuộc sống đồng sàng dị mộng với những người vợ không thể nào lấp đầy mất mát một thời, cũng là mất mát cả đời của ông. “Có cảm tưởng Quang Trung cũng chỉ là một nạn nhân của lịch sử” (Tran, 2012).

Ngày biết tin An lấy chồng, Huệ ngồi bất động, “mặt gục vào hai đầu gối như một pho tượng lính thú nhớ nhà...” (Nguyễn, 2007, vol.1, p.697). Hôm cưới An, Huệ không hiểu vì sao tự nhiên An nhìn mình với đôi mắt căm hận. Anh hoang mang, chẳng hiểu mình có lỗi gì, cảm giác tiếc nuối dần dần loang ra, xâm chiếm hồn anh. Cảm giác đó, tâm trạng đầy “nỗi niềm ưu tư xúc cảm” (Doan, 2023, p.96) đó đeo đẳng suốt đời Huệ. Trong những người đàn bà đi qua đời Huệ, An là người khiến ông nặng lòng nhất. Ngay cả trong đêm tân hôn với công chúa Ngọc Hân, “Nguyễn Huệ xúc động đến nỗi nhịp tim đập mạnh, khi thấy Công chúa có một chiếc cổ cao và trắng y như cổ một người con gái thời xưa” (Nguyễn, 2007, vol.2, p.617). Trải qua một đời trận mạc dạn dày sương gió không biết sợ là gì, vậy mà An vẫn là điểm yếu của ông. Ông sợ nước mắt của nàng, sợ nàng thốt lên những lời cay đắng, sợ nàng khổ. Bởi vì ông biết, những trầm luân dang dở của nàng, những đắng đót của lòng ông là do ông không bước qua được rào cản của sự gia trưởng trong hai cuộc hôn nhân của An và của mình; mà lẽ ra, giữa hai người chỉ nên có một cuộc hôn nhân.

Với Thọ Hương, sự áp đặt của chế độ gia trưởng lại càng quyết liệt. Một lần là nàng phải lấy chồng (Đông cung Dương) và một lần là không được phép lấy chồng (Lãng). Sau khi Đông Cung chết, Thọ Hương sống lẳng lẽ và già nua. Bằng sự tương thông chỉ có được ở những người yêu nhau, Lãng đã cảm nhận được nỗi đau khổ của nàng. “Lãng xúc động đến ngộp thở trước nỗi thống khổ da diết này!” (Nguyen, 2007, vol.2, p.161). “Lãng xúc động trước hình ảnh người con gái sớm thành nạn nhân của các trò chơi lịch sử, [...] mọi sự rối rắm phi lí đổ lên đầu người con gái chưa đủ hai mươi. [...] Trước mắt anh là hiện thân của sự đau khổ tột cùng, là nạn nhân của một thứ số phận cay nghiệt. Nếu có thể làm ngay được bất cứ việc gì, kể cả nhảy vào lửa để cho người con gái đau khổ kia bỏ chiếc khăn quàng đầu màu nâu xuống, ngừng mặt tươi cười nhìn thẳng vào đời sống, đùa giỡn chạy nhảy tự nhiên như mọi thiếu nữ yêu đời khác, thì Lãng đã không chút do dự. Anh cảm thấy có bốn phận cao thượng và thiêng liêng là đem lại nụ cười cho góa phụ trẻ tuổi bất hạnh đó. Đời anh, nếu chỉ hoàn tất mỗi một trách vụ này thôi, cũng đủ có ý nghĩa rồi” (Nguyen, 2007, vol.2, p.189). Hầu như ngoài Lãng, An và mẹ của Thọ Hương, chẳng có ai, đặc biệt là cha nàng, nhận ra và chia sẻ với nỗi niềm góa bụa của nàng. Nàng chua chát nói với An: “Em chẳng khác nào viên đá lót đường cho người ta dẫm lên trên. Thân em bị chà đạp, đau xót, lấm láp mà không ai thương xót...” (Nguyen, 2007, vol.2, p.163). Vậy mà, khi có Lãng thương xót, thì nàng lại càng bơ vơ, bởi vì cha nàng và cả chú ruột là Nguyễn Huệ đều không cho phép nàng lấy người không môn đăng hộ đối. Đã từng đau khổ vì không lấy được người mình yêu, nhưng bây giờ, vì lợi ích gia tộc, Nguyễn Huệ cũng không ủng hộ mối tình của Lãng và Thọ Hương. Bởi vì, dù là thư kí của Nguyễn Huệ, nhưng Lãng vẫn chỉ là thường dân, trong khi Thọ Hương đầu góa chồng nhưng lại là quận chúa. Mối tình chớm nở đã vội bị chặn đứng. Quận chúa héo hon; Lãng cũng long đong về tình duyên lẫn sự nghiệp. Cuối cùng, anh chọn đời ẩn sĩ, đi tìm cái đẹp của đất trời kết tinh trong loài hoa mặc lan, và anh biệt tích không về.

Huệ, An, Thọ Hương, Lãng đều là nạn nhân của sự định giới và chế độ gia trưởng. Vừa “chia tách giới” – xác lập quyền của nam giới, vừa phân biệt cao thấp giữa những người cùng giới theo “quyền cai trị của người cha” (Mitchell, 1974, p.409), sự gia trưởng đã tạo nên những bất hạnh, ngang trái, bi kịch cho cuộc đời của các nhân vật. Mỗi nhân vật đều có hoàn cảnh và tính cách khác nhau, nhưng họ giống nhau ở một điểm duy nhất, đó là sự cam chịu. Cam chịu chính là những mảng đời tư bên cạnh bức tranh lịch sử – thế sự, cho thấy rằng ngoài tiếng binh đao vang động làm nên những cuộc đổi thay long trời lở đất của lịch sử, vẫn còn có nhiều tiếng thở dài thân phận của cá nhân. Từ đó, người đọc nhận ra rằng, thay đổi căn bản nhất vẫn là thay đổi cách nhìn về con người và những gì liên quan đến con người, nếu không, mọi nỗ lực của lịch sử chỉ đem lại quyền lợi cho các yếu nhân mà thôi.

Trong vai trò lịch sử, các nhân vật không có điều kiện để bộc lộ suy tư và hoài niệm; vì thế họ mang tầm vóc lịch sử, tư thế lịch sử. Họ vĩ đại nhưng cao vợi và thiếu sống động, chân thực. Chỉ trong cuộc sống đời thường, con người mới bộc lộ những phẩm chất đời

thường, những “rắc rối giới” (Butler, 2022, p.1). “Có thể nói, ngòi bút của Nguyễn Mộng Giác chỉ phát huy hết sự tinh tế khi dừng lại ở những bức tranh nhỏ nhỏ và tội nghiệp như thế” (Nguyen, 2012). Nhìn từ góc độ của người bị định giới, các nhân vật có chiều sâu hơn, tròn đầy hơn trong vai trò là con người đời thường với những hy vọng ai lạc đời thường. Vì thế, định giới vừa là tiếng nói phản đối những áp bức về mặt tinh thần và ngăn cản con người vươn tới tự do, tự chủ; vừa là thi pháp xây dựng tính cách nhân vật rất thành công của tác phẩm.

3. Kết luận

Khảo sát hệ thống nhân vật trong tiểu thuyết *Sông Côn mùa lũ*, từ góc nhìn định giới liên quan đến giai cấp thống trị, mà tập trung nhất là ở nhân vật Nguyễn Nhạc, có thể thấy tác giả xây dựng ông như một nhân vật tạo nên những rắc rối, bất hạnh của các nhân vật khác, mà rõ nhất là Nguyễn Huệ. Sự lạnh lùng của ông không chỉ thể hiện trong binh đao trận mạc mà còn thể hiện qua diễn ngôn tư tưởng và hành động định giới như là cách thức thực hiện mưu lược chính trị. Từ điểm nhìn định giới, Bùi Thị Xuân mất đi vị thế lịch sử của mình, các nhân vật nữ còn lại đều trở thành nạn nhân của lịch sử. Rõ ràng, định giới đã cho thấy tư tưởng nam quyền, chế độ gia trưởng là nguyên nhân gây nên bi kịch cho các nhân vật nữ và những người yêu thương họ. Việc âm thầm chịu đựng bi kịch khiến các nhân vật đều có tâm lý phức tạp và vận mệnh bất hạnh dễ gây xúc động và tiếc nuối cho người đọc. Đồng thời, không chỉ tác động đến nội dung, tư tưởng tác phẩm, định giới và bị định giới còn là một trong những phương thức xây dựng tính cách nhân vật. Đó chính là chiến lược tự sự độc đáo của nhà văn Nguyễn Mộng Giác trong *Sông Côn mùa lũ*. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đó, việc bỏ quên vai trò của nữ tướng Bùi Thị Xuân trong cốt truyện và không có động thái nào phản đối nhận định của Nguyễn Nhạc về bà và giới nữ nói chung, là một thiếu sót đáng tiếc của tác phẩm. Thiếu sót này do sơ suất hay cố ý/định kiến (trong tư tưởng của nhà văn) thì cũng đều đáng tiếc. Bởi vì, nó khiến tác phẩm thiếu tính chặt chẽ, khiến nhà văn rơi vào diễn ngôn thiếu tiến bộ về người phụ nữ nói chung và nữ quyền nói riêng. Vì vậy, đầu *Sông Côn mùa lũ* rất công phu và đồ sộ về dung lượng lẫn nội dung, nhưng tư tưởng của tác phẩm vẫn chưa có bước đột phá, thậm chí, còn cũ kỹ và lạc hậu ở phương diện diễn ngôn về người phụ nữ; và như thế, định giới không chỉ có ở nhân vật mà còn có ở chính nhà văn.

TƯ LIỆU KHẢO SÁT

Nguyen, M. G. (2007). *Song Con mua lu, tap 1, 2, 3* [*Con River in the flood season, vol.1, 2, 3*]. Literature Publishing House.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trong đề tài mã số: “T.24.NV.602.02”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Butler, J. (2022). *Rac roi gioi* [Gender trouble]. Vietnam Women's Publishing House.
- Dang, T. T. H. (2024). Chung thu ghet phu nu [Misogyny]. <https://baovannghe.vn/chung-thu-ghet-phu-nu-16988.html>
- Doan, T. H. (2023). Quang Trung Nguyen Hue trong Song Con mua lu cua Nguyen Mong Giac: Hinh tuong tap trung net dep van hoa truyen thong Viet [Quang Trung Nguyen Hue in Song Con mua lu (Con River in the flood season) by Nguyen Mong Giac: An image of Vietnamese traditional cultural beauties], in *Nang hon cam phan* [Heavier than holding chalk]. Buu Nam & Nguyen Thi Tinh Thy ed. Literary Publishing House.
- Mitchell, J. (1974). The cultural revolution. *Psychoanalysis and feminism*. Pantheon Books.
- Nguyen, H. Q. (2012). Mot net trong phong cach Nguyen Mong Giac [One feature of Nguyen Mong Giac's style]. <https://nguyenmonggiac.com/mot-net-trong-phong-cach-nguyen-mong-giac/>
- Pham, V. S. (1961). *Viet Su tan bien* [New writing about Vietnamese History]. Sai Gon Publishing House.
- Pilcher, J., & Whelehan, I. (2022). *Khai niem then chot trong nghien cuu gioi* [Key concepts in gender studies second edition], (translated by Nguyen, T. M.). Vietnam Women's Publishing House.
- Quach, T., & Quach, G. (1984). *Nha Tay Son* [Tay Son Dynasty]. Culture and Art. <https://sachvuii.com/nha-tay-son-quach-tan-pdf-epub/>
- Tran, H. T. (2012). Nhan vat Nguyen Hue trong Song Con mua lu cua Nguyen Mong Giac [Nguyen Hue character in Con River in the flood season by Nguyen Mong Giac]. <https://nguyenmonggiac.com/nhan-vat-nguyen-hue-trong-song-con-mua-lu-cua-nguyen-mong-giac/>

DISCOURSE ON WOMEN IN THE CON RIVER IN FLOOD SEASON BY NGUYEN MONG GIAC FROM A GENDERED PERSPECTIVE

Nguyen Thi Tinh Thy

University of Education, Hue University, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Tinh Thy – Email: nguyenthitinhthy@dhsphue.edu.vn

Received: November 03, 2024; Revised: November 11, 2024; Accepted: November 29, 2024

ABSTRACT

In the novel, The Con River in Flood Season by Nguyen Mong Giac, women of various social backgrounds, ages, and distinct personalities and destinies were constructed from a gendered point of view. Based on the theoretical framework of gender presented in Key Concepts in Gender Studies, this article analyzes the gendered perspective through three main aspects: the denial of women's historical roles through gendered viewpoints, the affirmation of women as historical victims, and the role of gender in building character personalities. The study employed a combination of historical, structural-systemic, and interdisciplinary methods. Through this analysis, the article aims to identify the discourse on women in The Con River in Flood Season, thereby determining the writer's ideology and artistic creation.

Keywords: discourse; gendered; history; *The Con River in Flood Season*; women